

THUYẾT MINH DỰ THẢO QUY CHẾ NỘI BỘ QUẢN TRỊ CÔNG TY SỬA ĐỔI, BỔ SUNG THEO LUẬT DOANH NGHIỆP NĂM 2020, LUẬT CHỨNG KHOÁN 2019, NGHỊ ĐỊNH 155/2020/NĐ-CP, THÔNG TƯ 116/2020/TT-BTC.

Hội đồng quản trị Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc (VPID) trình Đại Hội Đồng cổ đông thường niên năm 2022 xem xét việc sửa đổi, bổ sung Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Trong đó các điều khoản dưới đây được sửa đổi, bổ sung để phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành về mô hình quản trị Công ty cổ phần theo Luật doanh nghiệp năm 2020, các văn bản hướng dẫn thi hành về pháp luật chứng khoán.

Toàn văn Quy chế nội bộ về quản trị Công ty sẽ được sắp xếp lại số thứ tự các khoản, mục trên cơ sở những nội dung sửa đổi, bổ sung chính đã được ĐHĐCĐ thông qua.

Các điều khoản không nêu chi tiết trong phụ lục này là không thay đổi.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
1.	<p>I. QUY ĐỊNH CHUNG</p> <p>Điều 1: Phạm vi điều chỉnh</p> <p>a. Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;</p> <p>b. Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 6 năm 2006;</p> <p>c. Luật số 62/2010/QH12 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 70/2006/QH11;</p> <p>d. Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06/6/2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p> <p>e. Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/09/2017 Hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06/06/2017 hướng dẫn về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng;</p>	<p><u>CÁC CĂN CỨ PHÁP LÝ</u></p> <p><u>- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17 tháng 06 năm 2020;</u></p> <p><u>- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26 tháng 11 năm 2019;</u></p> <p><u>- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng Khoán</u></p> <p><u>- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 Hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật chứng Khoán</u></p>	<p>- Sửa đổi căn cứ áp dụng phù hợp với các văn bản pháp luật đang có hiệu lực thi hành.</p>
2.	<p>2. Quy chế này quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ban kiểm soát và cán bộ quản lý của công ty.</p> <p>3. Quy chế này cũng là cơ sở để đánh giá việc thực hiện quản trị công ty của Công ty.</p>	<p><u>CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG</u></p> <p><u>Điều 1. Ý nghĩa, phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng</u></p> <p>1. Quy chế <u>quản trị nội bộ</u> quy định những nguyên tắc cơ bản về quản trị Công ty nhằm bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, thiết lập những chuẩn mực về hành vi, đạo đức nghề nghiệp của các thành viên Hội đồng quản trị (<u>HĐQT</u>), <u>Ủy ban</u></p>	<p>Chỉnh sửa nội dung Theo Khoản 1, Khoản 2 Điều 1, Quy chế mẫu, Thông tư 116/2020/TT-BTC hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p><u>kiểm toán và các tiêu ban trực thuộc</u>, Ban Tổng giám đốc <u>và người điều hành đảm bảo hoạt động của Công ty được ổn định và phát triển đúng mong đợi của Cổ đông.</u></p> <p><u>2. Quy chế này được áp dụng cho tất cả các thành viên Hội đồng quản trị, Ủy Ban kiểm toán, Tổng giám đốc và những người có liên quan.</u></p>	
3.	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Chữ viết tắt:</p> <p>a. “Công ty” là Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số <u>2500222004</u> do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc cấp lần đầu ngày 16/06/2003, thay đổi lần <u>thứ 19 ngày 04/10/2017.</u></p> <p>d. “BKS”: Ban kiểm soát.</p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị công ty” là hệ thống các nguyên tắc, bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, BKS; - Đảm bảo quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - Công khai minh bạch mọi hoạt động của công ty. <p>b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại <u>khoản 1 Điều 25 Luật chứng khoán;</u></p> <p>c. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại <u>khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;</u></p> <p>d. “Người quản lý doanh nghiệp” được quy định tại <u>khoản 18 Điều 4 Luật doanh nghiệp;</u></p> <p>e. “Người điều hành doanh nghiệp” là Tổng giám đốc,</p>	<p>Điều 2. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Chữ viết tắt</p> <p>a. <u>Công ty” là Công ty cổ phần phát triển hạ tầng Vĩnh Phúc, có trụ sở chính tại Khu công nghiệp Khai Quang, Phường Khai Quang, Thành phố Vĩnh Yên, Tỉnh Vĩnh Phúc.</u></p> <p>d. <u>“UBKT”: Ủy Ban kiểm toán</u></p> <p>2. Những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Quản trị Công ty” là hệ thống các nguyên tắc <u>để đảm bảo cho Công ty được định hướng điều hành và được kiểm soát một cách có hiệu quả vì quyền lợi của cổ đông và những người có liên quan đến Công ty. Các nguyên tắc quản trị Công ty</u> bao gồm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đảm bảo cơ cấu quản trị hợp lý; - Đảm bảo hiệu quả hoạt động của HĐQT, <u>nâng cao trách nhiệm của HĐQT đối với cổ đông.</u> - <u>Tôn trọng</u>, đảm bảo quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông và những người có liên quan; - Đảm bảo đối xử công bằng giữa các cổ đông; - <u>Đảm bảo vai trò của nhà đầu tư, thị trường chứng khoán và các tổ chức trung gian trong việc hỗ trợ hoạt động quản trị Công ty.</u> - <u>Công bố thông tin kịp thời, đầy đủ, chính xác và minh bạch hoạt động của Công ty, bảo đảm cổ đông được tiếp cận thông tin công bằng.</u> 	<p>- Sửa dẫn chiếu cho phù hợp với các quy định của pháp luật.</p> <p>- Chỉnh sửa điểm a, khoản 2 Điều 2 Quy chế nội bộ quản trị hiện hành Theo Điều 40 Luật chứng khoán năm 2019, nguyên tắc quản trị Công ty đại chúng.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc;</p> <p>f. “Thành viên HĐQT không điều hành” (sau đây gọi là thành viên không điều hành) là thành viên HĐQT không phải là Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty;</p> <p>g. “Thành viên độc lập HĐQT” (sau đây gọi là thành viên độc lập) là thành viên được <u>quy định tại khoản 2 Điều 151 Luật doanh nghiệp</u>;</p> <p>h. Người phụ trách quản trị công ty là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại <u>Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP</u>;</p> <p>i. Người có liên quan là cá nhân, tổ chức được quy định tại <u>khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán</u>;</p>	<p>b. “Công ty đại chúng” là công ty cổ phần được quy định tại <u>khoản 1 Điều 32 Luật chứng khoán 2019</u>;</p> <p>c. “Cổ đông lớn” là cổ đông <u>sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của một tổ chức phát hành</u>.</p> <p>d. “Người quản lý doanh nghiệp” là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và các cá nhân giữ chức danh quản lý khác có <u>thẩm quyền nhân danh Công ty ký kết giao dịch của Công ty theo quy định tại Điều Lê</u>.</p> <p>e. “Người điều hành doanh nghiệp” có nghĩa là <u>Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và người điều hành khác theo quyết định của HĐQT trên cơ sở đề nghị của Tổng giám đốc</u>.</p> <p>g. “Thành viên độc lập Hội đồng quản trị” là thành viên Hội đồng quản trị đáp ứng các điều kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty mẹ hoặc công ty con của công ty ít nhất trong ba (03) năm liền trước đó;</u> - <u>Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị được hưởng theo quy định;</u> - <u>Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chi ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</u> - <u>Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất một phần trăm (01%) tổng số cổ phần</u> 	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p><u>có quyền biểu quyết của công ty.</u> - <u>Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong năm (05) năm liền trước đó, trừ trường hợp được bổ nhiệm liên tục 02 nhiệm kỳ.</u> <u>h. Người phụ trách quản trị công ty là người có quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP .</u></p>	
4.	<p>II. TRÌNH TỰ, THỦ TỤC VỀ TRIỆU TẬP VÀ BIỂU QUYẾT TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG</p>	<p><u>CHƯƠNG II. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CỔ ĐÔNG</u> <u>Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của Cổ đông.</u> <u>Điều 4. Những vấn đề liên quan đến Cổ đông lớn.</u> <u>(Xem chi tiết trong Dự thảo)</u></p>	<p>Theo mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC. Bổ sung các điều khoản sau đây: - Bổ sung quyền và nghĩa vụ của cổ đông (Điều 115,119 Luật doanh nghiệp năm 2020) - Bổ sung trách nhiệm của cổ đông lớn. (Đây là các nội dung quy chế quản trị nội bộ hiện hành chưa quy định thành một Điều khoản)</p>
5.		<p><u>CHƯƠNG III. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG</u> <u>Điều 5. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội Đồng cổ đông</u> <u>Điều 6. Thẩm quyền triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông</u> <u>(Xem chi tiết trong Dự thảo)</u></p>	<p>Bổ sung thêm Điều khoản về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông (Điều 138 Luật doanh nghiệp năm 2020); - Thẩm quyền triệu tập họp ĐHĐCĐ (Điều 140 Luật doanh nghiệp năm 2020). Trong đó, nêu chi tiết các Báo cáo tối thiểu phải trình ĐH và bổ sung điểm mới áp dụng hình thức ĐHĐCĐ trực</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
6.	<p>Điều 3. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội Đồng cổ đông Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp ĐHĐCĐ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và quy định của pháp luật về chứng khoán áp dụng cho các công ty niêm yết. Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông).</p>	<p><u>Điều 7. Lập danh sách và thông báo danh sách cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>1. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại Hội đồng cổ đông được lập không quá 10 (mười) ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp Đại Hội đồng cổ đông.</u> Công ty phải công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng (ngày chốt danh sách cổ đông). <u>2. Thông báo về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở giao dịch chứng khoán Hà nội (SGDCKHN) và Ủy Ban chứng khoán nhà nước (UBCKNN).</u></p>	<p>tuyên, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức khác..</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sửa tên điều khoản cho phù hợp với mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty. - Áp dụng theo khoản 1, 2, Điều 141 Luật doanh nghiệp năm 2020. Quy định chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết phải được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi Thông báo mời họp. - Quy định chi tiết thông báo về việc lập danh sách cổ đông dự họp phải công bố thông tin theo quy định (Điểm b, khoản 4 Điều 11 Thông tư 96/2020/TT-BTC).
7.	<p>Điều 4. Thông báo triệu tập Đại hội cổ đông Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ</p>	<p><u>Điều 8. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông.</u> <u>1. Công tác chuẩn bị họp ĐHĐCĐ:</u> Người triệu tập ĐHĐCĐ phải chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ; chương trình, nội dung đại hội; tài liệu cho đại hội; thời gian và địa điểm tổ chức ĐHĐCĐ; Thông báo và gửi thông báo họp ĐHĐCĐ cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp trong đúng thời gian quy định; và các vấn đề khác phục vụ Đại hội phù hợp với luật pháp và các quy</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Tại Điều này đã tách Thông báo triệu tập họp ĐHĐCĐ ra thành các điểm nhỏ: <ol style="list-style-type: none"> 1. Công tác chuẩn bị 2. Thông báo triệu tập 3. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, đảm bảo điều khoản logic, đầy đủ về nghĩa.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>vào hòm thư).</p> <p>Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; 2. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, <u>Kiểm soát viên</u>; 3. <u>Phiếu biểu quyết</u>; 4. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; 5. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. 	<p>định của Công ty. Các vấn đề đưa vào chương trình ĐHĐCĐ phải phù hợp với thẩm quyền ĐHĐCĐ được quy định tại Điều lệ Công ty;</p> <p>2. Thông báo triệu tập ĐHĐCĐ:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông hoặc người đại diện theo ủy quyền của cổ đông; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ và những yêu cầu khác đối với người dự họp; b. Thông báo họp ĐHĐCĐ được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở GDCKHN <u>chậm nhất 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư)</u>; c. Công ty công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Sở GDCKHN và UBCKNN về việc họp ĐHĐCĐ, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên. Tài liệu họp ĐHĐCĐ phải được đăng tải và cập nhật các sửa đổi, bổ sung (nếu có) cho tới khi kết thúc ĐHĐCĐ; d. <u>Các tài liệu bao gồm:</u> <ul style="list-style-type: none"> - Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp; - Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT..; - Phiếu biểu quyết; - Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. <p>3. <u>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5%</u></p>	<p>- Về các điểm thay đổi:</p> <p>+ Theo Khoản 3 Điều 143 và Khoản 2 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2020 bỏ quy định việc ủy quyền phải lập theo mẫu do Công ty phát hành, thay đó chỉ cần đáp ứng các quy định của Bộ Luật dân sự.</p> <p>+ Khoản 1 Điều 143 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định <i>”Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc nếu Điều Lệ Công ty không quy định thời gian dài hơn...”</i></p> <p>+ Bổ sung thêm quy định, cụ thể tại khoản 2 và khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng tại khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp năm 2020. Khoản 2 Điều 114 Luật doanh nghiệp năm 2020 quy định: “Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p><u>tổng số cổ phần phổ thông có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông</u>. Kiến nghị phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.</p> <p>4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những kiến nghị trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung; - Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua; - Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này. 	<p>tại Khoản 2 Điều 115 của Luật này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông”</p>
8.	<p>Điều 5. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông</p> <p>Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.</p>	<p><u>Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp ĐHĐCĐ</u></p> <p>1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp ĐHĐCĐ được quy định rõ tại Thông báo họp ĐHĐCĐ.</p> <p>2. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp; b. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực 	<p>Quy định lại cách thức đăng ký tham dự ĐHĐCĐ trước ngày khai mạc cuộc họp (Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp năm 2020; Khoản 3 Điều 273 Nghị Định 155/2020/NĐ-CP):</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Cách thức đăng ký tham dự; 2. Lựa chọn hình thức đăng ký tham dự;

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>tuyên, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác (nếu Công ty có tổ chức hình thức này);</p> <p>c. Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp (Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện): Cổ đông sẽ thực hiện việc ủy quyền bằng văn bản ủy quyền cho Người được ủy quyền dự họp. Cổ đông có thể gửi trước thông tin về văn bản ủy quyền đến Ban tổ chức trước ngày khai mạc Đại hội;</p> <p>d. Gửi phiếu đăng ký tham dự họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử (nếu có) nhưng vẫn phải mang theo và xuất trình Thông báo mời họp (giấy ủy quyền bản gốc), giấy tờ tùy thân và các giấy tờ liên quan cần thiết với Ban tổ chức đại hội để đăng ký tại ngày tổ chức đại hội;</p> <p>e. Các hình thức đăng ký tham dự họp ĐHĐCĐ khác phù hợp với quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp ĐHĐCĐ tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp ĐHĐCĐ trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 144 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>Tùy vào điều kiện cụ thể tại thời điểm tổ chức ĐHĐCĐ mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng đều phải được hướng dẫn cụ thể tại Thông báo mời họp để cổ đông lựa chọn và thuận tiện trong việc áp dụng.</p>	<p>3. Bổ sung quy định về ĐHĐCĐ trực tuyến.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
9.		<p>Điều 10. Cách thức đăng ký và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ (Xem chi tiết trong Dự thảo)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Quy chế nội bộ quản trị Công ty hiện hành chưa quy định cụ thể. - Bổ sung Điều khoản về cách thức đăng ký và kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức ĐHĐCĐ (áp dụng điểm g, khoản 2 Điều 2, Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC; Khoản 1 Điều 146 Luật Doanh nghiệp năm 2020).
10.		<p>Điều 11: Khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (Xem chi tiết trong Dự thảo)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung điều khoản về các điều kiện tiến hành họp ĐHĐCĐ, Quy chế nội bộ quản trị Công ty hiện hành không quy định; - Áp dụng khoản 1 Điều 145 Luật Doanh nghiệp năm 2020 và điểm h Điều 2 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.
11.	<p>Điều 6. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết 1. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của</p>	<p>Điều 12. Cách thức bỏ phiếu 1. Bầu Ban kiểm phiếu: a. ĐHĐCĐ bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu và giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa đại hội. Ban Tổ chức sẽ chuẩn bị bộ phận giúp việc, Ban kiểm phiếu có thể quyết định bộ phận giúp việc cho mình. Điều kiện của các thành viên Ban kiểm phiếu bao gồm: - Một trong số các thành viên Ban kiểm phiếu là người có hiểu biết về các quy định của pháp luật; Thành viên Ban kiểm phiếu nên là người có kinh nghiệm về công tác biểu quyết, bầu cử; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên HĐQT hoặc ứng cử viên thành viên</p>	<p>Quy định lại chi tiết cách thức bỏ phiếu: + Bầu ban kiểm phiếu. Điều kiện để được bầu vào ban kiểm phiếu. Trách nhiệm thành viên Ban kiểm phiếu; + Cách thức biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình họp; + Hình thức bầu cử tại cuộc họp ĐHĐCĐ; + Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác. Biểu</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do ĐHĐCĐ quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.</p>	<p>HĐQT(nếu đại hội đó có bầu cử);</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là thành viên Ban Tổng Giám đốc và ứng cử viên thành viên Ban Tổng Giám đốc; - Thành viên Ban kiểm phiếu không phải là những người có liên quan với những đối tượng trên. <p>b. Ban kiểm phiếu chịu trách nhiệm kiểm phiếu và lập báo cáo bằng văn bản về kết quả kiểm phiếu sau khi kết thúc cuộc họp ĐHĐCĐ. Báo cáo về kết quả kiểm phiếu phải có chữ ký của tất cả các thành viên Ban kiểm phiếu. Các thành viên từ chối ký báo cáo này sẽ phải giải thích lý do từ chối và lý do này sẽ được đưa vào phụ lục của báo cáo;</p> <p>c. Nhằm đảm bảo thủ tục kiểm phiếu được công khai và rõ ràng, Ban kiểm phiếu phải được giám sát trong quá trình kiểm phiếu. Chủ tọa cuộc họp ĐHĐCĐ đề cử người hoặc bộ phận chịu trách nhiệm giám sát quá trình kiểm phiếu. Người này nên là một cổ đông thiểu số và độc lập với công ty. Người này có quyền can thiệp và báo cáo ngay khi phát hiện có dấu hiệu bất thường hoặc không minh bạch trong quá trình kiểm phiếu;</p> <p>d. Người được chỉ định giám sát quá trình kiểm phiếu có quyền: Ngăn chặn mọi hành vi vi phạm quy chế bầu cử; Báo cáo cho Chủ tọa ĐHĐCĐ về những dấu hiệu bất thường trong quá trình kiểm phiếu, nếu có;</p> <p>e. Trưởng Ban kiểm phiếu có quyền quyết định về số lượng cụ thể hoặc bổ sung, thay thế nhân sự của Bộ phận giúp việc cho Ban kiểm phiếu trong công tác tổ chức biểu quyết tại ĐHĐCĐ.</p> <p>2. ĐHĐCĐ thảo luận và biểu quyết theo từng vấn</p>	<p>quyết, bầu cử thông qua ĐHĐCĐ trực tuyến (Theo điểm b, Khoản 2 Điều 41 Luật chứng khoán năm 2019; Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP).</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>đề trong nội dung chương trình. Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, cổ đông thực hiện biểu quyết trên Phiếu biểu quyết theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Thông thường mỗi nội dung xin ý kiến biểu quyết có 3 mục lấy ý kiến: “Tán thành/đồng ý” - “Phản đối/không đồng ý” - “Ý kiến khác” để cổ đông đánh dấu vào ô mong muốn. Cổ đông sau đó bỏ Phiếu biểu quyết vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>3. Việc quyết định hình thức bầu cử sẽ được quy định chi tiết trong Quy chế bầu cử tại cuộc họp ĐHCĐ. Đối với việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Các phiếu bầu cử bằng hình thức bầu dồn phiếu hay bằng hình thức khác cũng sẽ được Cổ đông sau đó bỏ vào thùng phiếu được niêm phong để Ban kiểm phiếu thực hiện việc kiểm phiếu.</p> <p>4. Ngoài phương thức bỏ phiếu trực tiếp vào hòm phiếu tại Đại hội đồng cổ đông, Công ty cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có bỏ phiếu từ xa, biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến:</p> <p>a. Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Cổ đông có thể tiến hành đăng ký cổ đông trên hệ thống trực tuyến, Công ty sẽ cấp cho mỗi cổ đông một (01) tài khoản kèm mật khẩu để truy cập hệ thống này. Khi cổ đông tiến hành biểu quyết trực tuyến, số thẻ tán thành và số thẻ không tán thành nghị quyết được ghi nhận trên hệ thống trực tuyến</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>này.</p> <p>b. Cổ đông biểu quyết trực tuyến xem như không có ý kiến với các nội dung phát sinh ngoài chương trình đại hội đã được gửi trước ngày đại hội cho cổ đông.</p>	
12.	<p>Điều 7: Cách thức kiểm phiếu</p> <p>1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính năm;</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của Công ty;</p> <p>c. Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên HĐQT, Ban kiểm soát và báo cáo việc HĐQT bổ nhiệm Tổng giám đốc.</p> <p>2. Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp.</p> <p>3. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, việc tổ chức lại hay giải thể doanh nghiệp, giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo Báo cáo tài chính kỳ gần nhất được kiểm toán được thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp</p>	<p>Điều 13. Cách thức kiểm phiếu</p> <p>1. Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra lại số lượng Phiếu biểu quyết thu về so với số Phiếu biểu quyết phát ra và kiểm tra tính hợp lệ của các Phiếu biểu quyết thu về.</p> <p>2. Các tình trạng “Tán thành/đồng ý”, “Phản đối/không đồng ý”, “Ý kiến khác” sẽ được tổng hợp riêng (trong đó các Phiếu biểu quyết trắng/không hợp lệ sẽ được cộng vào nhóm “Ý kiến khác”). Tổng kết quả của từng tình trạng sẽ được chia cho tổng số quyền biểu quyết phát ra tại khâu đăng ký để xác định tỷ lệ phần trăm của từng tình trạng.</p> <p>3. Đối với việc kiểm phiếu bầu cử: Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên số lượng thành viên đã được ĐHĐCĐ phê chuẩn. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Quy chế bầu cử.</p> <p>4. Đối với những vấn đề biểu quyết trực tiếp, công khai tại cuộc họp ĐHĐCĐ: Thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết tán thành nghị quyết trước, sau đó thực hiện kiểm Thẻ biểu quyết không tán thành và Thẻ</p>	<p>Theo Điều 7. Cách thức kiểm phiếu quy chế hiện hành đang quy định các điều kiện, tỷ lệ để Nghị Quyết HĐQT về các vấn đề được thông qua, không quy định cụ thể cách thức kiểm phiếu theo đúng tên gọi tại điều khoản.</p> <p>- Hướng sửa đổi, quy định lại chi tiết cách thức kiểm phiếu đối với từng vấn đề tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Kể cả trường hợp cổ đông dự họp thông qua Hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.	<p>biểu quyết không có ý kiến.</p> <p>5. Trong trường hợp có Cổ đông dự họp thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác: Kết quả kiểm phiếu biểu quyết, phiếu bầu cử và kiểm thẻ biểu quyết sẽ được Ban kiểm phiếu duyệt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p> <p>6. Kết quả kiểm phiếu được tính bằng tổng kết quả biểu quyết, bầu cử trực tiếp tại ĐHĐCĐ và kết quả biểu quyết, bầu cử được Ban kiểm phiếu duyệt trên hệ thống bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.</p>	
13.		<p>Điều 14. Điều kiện để Nghị Quyết được thông qua</p> <p>1. Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số phiếu biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp tán thành trừ trường hợp quy định tại các khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp:</p> <p>a. Sửa đổi bổ sung điều lệ;</p> <p>b. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>c. Tổ chức lại, giải thể Công ty;</p> <p>d. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>e. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;</p> <p>f. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty;</p> <p>g. Vấn đề khác theo quy định của luật doanh nghiệp.</p> <p>2. Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bổ sung thêm quy định, điều kiện để các Nghị quyết được thông qua. - Quy chế quản trị nội bộ hiện hành quy định điều kiện để Nghị quyết được thông qua vào nội dung cách thức kiểm phiếu, không đúng về logic. - Quy định lại cụ thể áp dụng Điều 148, Luật doanh nghiệp năm 2020, điểm m Điều 2 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Diêm thay đổi: Các nghị quyết được thông qua khi được số cổ đông sở hữu trên năm mươi phần trăm (50%) tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành, trừ trường hợp quy định tại các khoản 1 điều này và khoản 3, 4 và 6 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.	nghiệp (trước đây tỷ lệ từ 51%)
14.	Điều 8. Thông báo kết quả kiểm phiếu Sau khi tiến hành kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu sẽ thông báo kết quả kiểm phiếu trực tiếp tại cuộc họp ĐHĐCĐ. Thông báo kết quả kiểm phiếu phải nêu cụ thể số phiếu tán thành, số phiếu không tán thành, số phiếu không có ý kiến đối với từng vấn đề.	Điều 15. Thông báo kết quả kiểm phiếu 1. Trưởng ban kiểm phiếu sẽ đọc kết quả kiểm phiếu sau khi hoàn tất việc kiểm phiếu. 2. Biên bản kiểm phiếu cùng với các tài liệu cuộc họp ĐHĐCĐ khác sẽ được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ làm việc, kể từ thời điểm thông qua Nghị quyết của ĐHĐCĐ.	Quy định lại chi tiết Điều khoản Thông báo kết quả kiểm phiếu theo điểm n, khoản 2 Điều 2 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.
15.	Điều 9. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ	Điều 16. Cách thức phản đối quyết định của ĐHĐCĐ 2. <u>với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều Lệ Công ty.....</u>	Bổ sung thêm điểm 2 về nguyên tắc xác định giá khi mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông, áp dụng khoản 2 Điều 132 Luật doanh nghiệp năm 2020.
16.	Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua Nghị Quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản 1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty. 2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến , dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ Công ty. 3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau	Điều 18. Thẩm quyền và Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thông qua quyết định ĐHĐCĐ 1.....trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 Điều 147 Luật doanh nghiệp. 2. Trình tự, thủ tục lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: a. Chuẩn bị tài liệu Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu..... Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu..... Tên, địa chỉ..... ● Mục đích..... ● Họ, tên.....	- Quy định lại Điều 12. ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thay thế bằng điều khoản Thẩm quyền và Trình tự, thủ tục ĐHĐCĐ thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản, quy định các bước tiến hành: + Chuẩn bị tài liệu; + Thông báo việc chốt danh sách; + Lập danh sách cổ đông; + Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến; + Nhận phiếu lấy ý kiến cổ đông; + Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu;

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích lấy ý kiến;</p> <p>c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;</p> <p>d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;</p> <p>e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;</p> <p>f. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;</p> <p>g. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.</p> <p>4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.</p> <p>5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <p>a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p>	<ul style="list-style-type: none"> ● Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua..... ● Phương án biểu quyết bao gồm..... ● Thời hạn gửi về công ty..... ● Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch..... <p>b. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản: Công ty công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản theo quy định;</p> <p>c. Lập danh sách cổ đông để thực hiện lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thực hiện trong tự họp Đại hội Đồng cổ đông;</p> <p>d. Gửi tài liệu và phiếu lấy ý kiến cho cổ đông</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông trong danh sách cổ đông do Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam lập; - HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười lăm (15) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến; <p>e. Nhận phiếu lấy ý kiến gửi về của cổ đông:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân..... <p>Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> ● Gửi thư:..... ● Gửi Fax hoặc thư điện tử:..... - Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn..... <p>f. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu</p> <ul style="list-style-type: none"> - HĐQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu 	<p>+ Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ.</p> <p>+ Lưu tài liệu...</p> <p>(Áp dụng Điều 149 Luật doanh nghiệp năm 2020).</p> <p>- Thay đổi tỷ lệ, Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản được thông qua nêu được số cổ đông sở hữu trên 50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành. Thay vì trước đây là trên 51%.</p> <p>(Khoản 4 Điều 148 Luật doanh nghiệp năm 2020).</p> <p>Tách khoản 7, 8 Điều 12 Quy chế nội bộ quản trị Công ty hiện hành, thành một Điều Khoản mới: Điều 19. Công bố Nghị Quyết và Biên Bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên Bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ra công chúng.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p> <p>6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:</p> <p>a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;</p> <p>b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;</p> <p>c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;</p> <p>d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;</p> <p>e. Các vấn đề đã được thông qua;</p> <p>f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.</p> <p>Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p> <p>7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc</p>	<p>dưới sự chứng kiến của Người phụ trách quản trị Công ty hoặc của cổ đông không phải là người quản lý doanh nghiệp.....Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:....</p> <p>g. Thông qua quyết định của ĐHĐCĐ: Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu trên <u>50% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành</u> và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>h. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ.....</p> <p><u>3. HĐQT không được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản trong những trường hợp sau:</u></p> <p><u>a. Bầu bổ sung hoặc bầu tạm thời nhân sự vào vị trí thành viên HĐQT, khi số thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;</u></p> <p><u>b. Xin ý kiến cổ đông thông qua Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên.</u></p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.</p> <p>8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p> <p>9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.</p>		
17.		<p>Điều 19. Công bố Nghị Quyết và Biên Bản họp ĐHĐCĐ hoặc Biên Bản kiểm phiếu đối với trường hợp lấy ý kiến bằng văn bản ra công chúng (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<p>Bổ sung thêm điều khoản, tách mục 7, 8 Điều 12 ĐHĐCĐ thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản quy chế quản trị nội bộ hiện hành thành một điều khoản mới.</p>
18.		<p>Điều 20. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của ĐHĐCĐ (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<p>- Áp dụng Điều 151 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>
19.		<p>Điều 21. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<p>- Bổ sung thêm điều khoản về hình thức ĐHĐCĐ trực tuyến (điểm b, Khoản 2 Điều 41 Luật chứng khoán năm 2019 và Khoản 3 Điều 273 Nghị định 155/2020/NĐ-CP). - Khoản 5 Điều 2 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
20.	<p>III. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT</p> <p>Điều 13. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT</p> <p>Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp; Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác. 	<p><u>CHƯƠNG IV: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</u></p> <p>MỤC I. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÃI NHIỆM THÀNH VIÊN HĐQT</p> <p>Điều 23. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT</p> <p>1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> Có năng lực.....khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp; Có trình độ chuyên môn.....kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của Công ty.....; <p>2. Tiêu chuẩn thành viên độc lập Hội đồng quản trị theo quy định tại Khoản 2 Điều 155 của Luật doanh nghiệp có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây, trừ trường hợp pháp luật chứng khoán có quy định khác:.....</p> <p>3. Chủ tịch HĐQT không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty.</p>	<ul style="list-style-type: none"> Sửa đổi dẫn chiếu Luật cho chính xác; Tiêu chuẩn của HĐQT từ quản lý kinh doanh sang quản trị kinh doanh Bổ sung quy định thành viên HĐQT độc lập Áp dụng Khoản 2 Điều 155 Luật doanh nghiệp năm 2020. - Điều 275 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
21.		<p>Điều 24. Quyền và nghĩa vụ của HĐQT (Xem chi tiết Dự thảo)</p>	<ul style="list-style-type: none"> Bổ sung thêm điều khoản, áp dụng Điều 153 Luật doanh nghiệp năm 2020. Điều 277,278 Nghị định 155/2020/NĐ-CP. Khoản 1 Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC
22	<p>Điều 14. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong <u>thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng</u> có quyền gộp số</p>	<p><u>Điều 25. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên Hội đồng quản trị</u></p> <p><u>1. Các cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 10%</u></p>	<ul style="list-style-type: none"> Khoản 5 Điều 115 Luật doanh nghiệp năm 2020 đã bỏ quy định cổ đông hoặc nhóm cổ đông phải sở hữu cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị.</p> <p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 10% đến dưới 20% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 20% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.</p>	<p><u>tổng số cổ phần phổ thông trở lên hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty có quyền đề cử người vào Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>2. Các cổ đông phổ thông tự nguyện tập hợp thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định để đề cử người vào HĐQT. Việc họp nhóm này phải thông báo cho Hội đồng quản trị và các cổ đông dự họp ĐHCĐ biết chậm nhất ngay khi khai mạc ĐHCĐ.</u></p> <p><u>3. Các ứng viên Hội đồng quản trị có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị.</u></p> <p><u>4. Hồ sơ cần thiết cho việc ứng cử, đề cử ứng viên:</u></p> <ul style="list-style-type: none"> - <u>Họ tên, ngày, tháng, năm, sinh;</u> - <u>Trình độ học vấn;</u> - <u>Quá trình công tác;</u> - <u>Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;</u> - <u>Quan hệ của ứng viên với người có liên quan;</u> - <u>Quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chính của Công ty;</u> - <u>Những thông tin liên quan tới tình hình tài chính.....</u> - <u>Đối với nhóm cổ đông: Danh sách đầy đủ của nhóm cổ đông đề cử..</u> 	<p>- Bổ sung trình tự cổ đông, nhóm cổ đông đề cử người vào vị trí TVHĐQT, hồ sơ cần thiết cho việc ứng cử, đề cử ứng viên. (Quy chế cũ chưa quy định).</p>
23.	<p>Điều 15. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>Việc biểu quyết bầu thành viên HĐQT phải thực hiện</p>	<p>Điều 27. Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Phiếu bầu cử do Ban tổ chức ĐHCĐ chuẩn bị,</p>	<p>- Quy định lại chi tiết, theo mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Bộ tài chính ban hành theo</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.</p> <p>Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p>	<p>có ghi danh sách ứng cử viên, tổng số phiếu bầu của cổ đông, có đóng dấu treo của Công ty.</p> <p>Cổ đông nhận phiếu bầu cử, ghi số phiếu bầu cho ứng viên mình lựa chọn. Phiếu bầu hợp lệ là không bị tẩy xóa, gạch sửa, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc bầu nhiều hơn số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.</p> <p>2.....hoặc theo một hình thức khác được quy định tại Quy chế bầu cử và được ĐHĐCĐ tại kỳ diễn ra bầu cử thông qua.</p> <p>3. Với bầu dồn phiếu.....Cổ đông có thể phân phối số phiếu cho từng ứng viên theo từng số phiếu hoặc tỷ lệ cụ thể hoặc phân phối đều cho các ứng viên được chọn. Trong trường hợp phân phối đều, Cổ đông không cần điền số phiếu bầu mà chỉ cần lựa chọn các ứng viên theo cách thức: Cổ đông thực hiện việc lựa chọn ứng viên bằng cách đề nguyên tên ứng viên được chọn và gạch ngang đối với tên các ứng viên không lựa chọn. Số lượng ứng viên lựa chọn không được vượt quá số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.</p> <p>4. Căn cứ vào số lượng thành viên HĐQT được phê chuẩn, Đại hội xác định người trúng cử được xác định số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu và phải đảm bảo đáp ứng số lượng tối thiểu thành viên HĐQT độc lập theo quy định pháp luật và Điều lệ.</p> <p>Trong đó, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên HĐQT độc lập, việc chọn các</p>	<p>Thông tư 116/2020/TT-BTC (điểm d Điều 3 Phụ Lục II);</p> <p>- Phương thức bầu dồn phiếu áp dụng khoản 3 Điều 148 Luật doanh nghiệp 2020.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>thành viên HĐQT còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên HĐQT không độc lập và độc lập còn lại). Ứng viên trúng cử thành viên HĐQT phải có ít nhất một (01) phiếu bầu.</p> <p>5. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ Công ty.</p> <p>6. Trong trường hợp số ứng viên nhỏ hơn hoặc bằng số thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua thực hiện theo Điều lệ Công ty.</p>	
24.	<p>Điều 16. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành HĐQT</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị; 2. Có đơn từ chức; 3. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi; 4. Không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; 	<p>Điều 27. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT</p> <p>1. Miễn nhiệm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 của Luật Doanh nghiệp năm 2020 b) Có đơn từ chức và được chấp thuận; c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>2. Bãi nhiệm:</p> <ol style="list-style-type: none"> a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng; b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty. <p>3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>- Quy định cụ thể các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung thành viên thay thế thành viên HĐQT, áp dụng Điều 160 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>- Điểm đ, khoản 2 Điều 3 Phụ lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>5. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>6. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;</p>	<p>miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.</p> <p>4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;</p> <p>b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 của Luật doanh nghiệp năm 2020;</p> <p>c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.</p>	
25.	<p>Điều 18. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</p> <p>Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 29. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT</p> <p>1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, cơ cấu thành viên HĐQT, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Quy chế này. Toàn bộ hồ sơ, thông tin cần thiết được chuyển đến Công ty cho bộ phận Thư ký Hội đồng quản trị tập hợp và trình HĐQT quyết định. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại ĐHĐCĐ gần nhất.</p> <p>2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu</p>	<p>- Quy định lại điều khoản, áp dụng điểm g, Điều 3 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p> <p>- Áp dụng Điều 274 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh; 2. Trình độ học vấn; 3. Trình độ chuyên môn; 4. Quá trình công tác; 5. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác; 6. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty; 7. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có); Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có); 8. Các thông tin khác (nếu có). 	<p>cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử.</p> <ol style="list-style-type: none"> 3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này. 4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau: <ul style="list-style-type: none"> - Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3 Điều này; - Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua; - Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp. 	
26.	<p>IV. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 19. Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <p>Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về</p>	<p>MỤC II: TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ</p> <p>Điều 30: Thông báo họp Hội đồng quản trị</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông báo họp HĐQT: <ol style="list-style-type: none"> a. Trong trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn 07 (bảy) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số 	<ul style="list-style-type: none"> - Quy định lại Điều khoản, chia ra thành từng mục: <ul style="list-style-type: none"> + Thông báo họp HĐQT; + Các hình thức họp. - Áp dụng Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2020 và khoản 4 Điều 3, Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Điểm c, khoản 3 Điều 41 Luật chứng khoán năm 2019. - Điều 279 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.</p> <p>Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.</p>	<p>họ triệu tập họp HĐQT;</p> <p>b. Thông báo họp HĐQT các phiên họp thường kỳ và bất thường khác sẽ được gửi cho các thành viên HĐQT bằng thư điện tử hoặc đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị đã được đăng ký trước tại Công ty bảy (07) ngày trước ngày họp dự kiến;</p> <p>c. Thông báo họp HĐQT phải đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết cho thành viên HĐQT không thể dự họp;</p> <p>d. Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT;</p> <p>e. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp hoặc 1 phần nội dung chương trình họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó;</p> <p>f. Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chương trình họp bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tới Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập;</p> <p>g. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến Tổng Giám đốc như đối với các thành viên HĐQT. Tổng Giám đốc có quyền dự các cuộc họp của HĐQT, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>2. Các hình thức họp:</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>a. Trong các cuộc họp trực tiếp, các thành viên HĐQT sẽ biểu quyết đồng ý bằng miệng hoặc giơ tay đối với mỗi vấn đề sau khi được Chủ tọa nêu vấn đề và kết thúc phần thảo luận. Các tình trạng biểu quyết có thể là “đồng ý”, “phản đối”, “không có ý kiến”;</p> <p>b. Cuộc họp của HĐQT cũng có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp; - Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. <p>c. Cuộc họp HĐQT có thể được thực hiện qua điện thoại. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.</p>	
27.	Điều 20. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	Điều 31. Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị	- Hình thức cuộc họp nằm trong điều khoản: điều kiện tổ chức họp

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>3. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:</p> <p>a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;</p> <p>b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.</p> <p>.....</p>	<p>3. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.</p>	<p>HĐQT không logic, đã sửa đổi bằng việc quy định cách thức họp trong Điều 29. Thông báo họp HĐQT như trên.</p> <p>- Áp dụng khoản 8 Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>
28.	<p>Điều 21. Cách thức biểu quyết</p> <p>1. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều 30 Điều lệ Công ty trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;</p> <p>2. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;</p> <p>3. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30 Điều lệ Công ty, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa</p>	<p>Điều 32. Cách thức biểu quyết <u>và thông qua Nghị Quyết của HĐQT</u></p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành lớn hơn 50%(>50%). Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, thì quyết định cuối cùng sẽ thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Trừ quy định tại Khoản 3 Điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết.</p> <p>3. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các Hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết.</p> <p>Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng</p>	<p>- Gộp Điều 21 và 22 thành 1 điều khoản;</p> <p>- Tuân thủ Khoản 9,10,11,12 Điều 157 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>được công bố đầy đủ;</p> <p>4. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 40 Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;</p> <p>5. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.</p> <p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p> <p>Điều 22. Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị</p> <p>1. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.</p> <p>2. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	<p>được quy định tại Điều 167 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó.</p> <p>4. Trường hợp thành viên HĐQT không thể dự họp, có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.....</p> <p>5. HĐQT thông qua các nghị quyết và ra quyết định trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định.</p> <p>6. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.</p>	
29.	<p>Điều 23. Ghi Biên Bản họp HĐQT</p> <p>Biên bản họp Hội đồng quản trị phải được lập chi tiết và rõ ràng, HĐQT có thể yêu cầu một thành viên HĐQT hoặc một người khác làm thư ký ghi biên bản</p>	<p>Điều 33. Biên bản họp HĐQT</p> <p>1.Thư ký HĐQT sẽ thực hiện ghi biên bản diễn biến cuộc họp HĐQT một cách đầy đủ, chi tiết, rõ</p>	<p>- Quy định chi tiết, tách ra thành các mục nhỏ; - Áp dụng Điều 158 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>họp. Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh</p>	<p>ràng. Nội dung cuộc họp có thể được ghi âm để đảm bảo tính chính xác nội dung, diễn biến, kết quả cuộc họp và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p> <p>2. Biên bản ghi nhận diễn biến cuộc họp sẽ được hoàn thành ngay sau mỗi cuộc họp và có chữ ký xác nhận tham dự của tất cả thành viên tham dự. Biên bản cuộc họp chính thức sẽ được hoàn thành trong vòng 7 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc cuộc họp.</p> <p>3. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.</p>	<p>- Khoản 2 Điều 279 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>
30.	<p>Điều 24. Thông báo nghị quyết HĐQT Nghị quyết HĐQT phải được thông báo tới các bên có liên quan theo quy định tại Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 34. Thông báo Nghị quyết HĐQT</p> <p>1. Căn cứ vào các nội dung, quyết định được thông qua của cuộc họp HĐQT, Chủ tịch HĐQT sẽ thay mặt HĐQT ký ban hành các văn bản nghị quyết của HĐQT. Các nghị quyết này sẽ được thông tin đến tất cả các thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, và các bộ phận/phòng ban hoặc cá nhân liên quan khác.</p> <p>2. Các nội dung nghị quyết HĐQT thuộc phạm vi phải công bố thông tin sẽ được Người phụ trách công bố thông tin của Công ty công bố thông tin theo quy định pháp luật bao gồm: Công bố thông</p>	<p>Quy định chi tiết, áp dụng điểm 1 khoản 4 Điều 3 Phụ lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		tin trên trang thông tin điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của hiện hành.	
31.	V. ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU, MIỄN NHIỆM VÀ BÀI NHIỆM KIỂM SOÁT VIÊN	Xóa Mục V	Trong cơ cấu tổ chức Công ty, không có Ban kiểm soát
32.		MỤC III. ỦY BAN KIỂM TOÁN Điều 35. Quyền và nghĩa vụ của Ủy Ban kiểm toán Điều 36. Ứng cử, đề cử thành viên Ủy Ban kiểm toán Điều 37. Thành phần Ủy Ban kiểm toán Điều 38. Cuộc họp của Ủy Ban kiểm toán Điều 39. Báo cáo hoạt động của Ủy ban kiểm toán tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (Xem chi tiết trong Dự thảo)	- Bổ sung thêm Mục III, Ủy Ban kiểm toán Theo quy định tại khoản 5 Điều 3 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC; - Áp dụng Điều 161 Luật doanh nghiệp năm 2020. - Điều 282,283,284 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
33.	Điều 30. Các tiểu ban thuộc HĐQT	MỤC IV. THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC TIỂU BAN THUỘC HĐQT Điều 40. Các tiểu ban thuộc HĐQT	- Áp dụng khoản 6 Điều 3 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC.
34.	VII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM VÀ MIỄN NHIỆM NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP Điều 32: Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp 1. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp. 2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty.	CHƯƠNG V. <u>QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY</u> Điều 42. Các tiêu chuẩn để lựa chọn <u>người quản lý công ty</u> 1. Tiêu chuẩn chung của người quản lý công ty sẽ được quy định dưới đây. Các tiêu chuẩn riêng cụ thể cho từng vị trí (ngoại trừ Tổng Giám đốc) sẽ do Tổng Giám đốc đề xuất và HĐQT phê chuẩn: a. Có đủ năng lực hành vi dân sự, không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp; <u>b. Có đạo đức nghề nghiệp, trung thực, nhiệt tình</u>	- Bổ sung tiêu chuẩn chung của người quản lý Công ty, TGD, Kế toán trưởng. - Áp dụng Điều 162 Luật doanh nghiệp năm 2020 và điểm a, Khoản 7 Điều 3 Phụ Lục II Thông tư 116/2020/TT-BTC.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p><u>và có uy tín;</u></p> <p><u>c. Có chuyên môn, bằng cấp và các kỹ năng tổ chức phù hợp, khả năng gắn kết lợi ích của tất cả các bên liên quan và đưa ra các quyết định hợp lý;</u></p> <p><u>d. Có năng lực quản trị, tổ chức chỉ đạo và thực hiện tốt các công việc được giao trong lĩnh vực được phân công.</u></p> <p>2. Tiêu chuẩn và điều kiện chung với chức danh Tổng Giám đốc Công ty: Ngoài những quy định tại khoản 5 Điều 162 Luật Doanh nghiệp và quy định của Điều lệ Công ty với chức danh Tổng giám đốc Công ty, Tổng Giám đốc Công ty còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây và tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định.</p> <p>a. Có trình độ chuyên môn từ đại học trở lên, kinh nghiệm thực tế về quản trị kinh doanh trong ngành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty;</p> <p>b. Không phải là nhân viên, thành viên Ban Tổng Giám đốc hay hội đồng quản trị của đối thủ cạnh tranh;</p> <p>c. Không đồng thời làm Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc của bất kỳ một tổ chức/ doanh nghiệp nào hoặc các chức danh quản lý ở các công ty khác;</p> <p>d. Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật;</p> <p>e. Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.</p> <p>3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng: Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại Luật Kế toán;</p> <p>b. Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và đấu tranh bảo vệ quyền lợi, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;</p> <p>c. Có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng đúng theo quy định của pháp luật về kế toán;</p> <p>d. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán từ đại học trở lên, có thời gian công tác thực tế trong nghề kế toán ít nhất là 05 (năm) năm.</p>	
35.	<p>Điều 33: Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Tổng giám đốc, các Phó tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.</p> <p>2. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng giám đốc.</p> <p>3. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù</p>	<p>Điều 43: Việc bổ nhiệm người quản lý công ty</p> <p>1. Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ để Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p> <p>2. HĐQT bổ nhiệm một thành viên trong HĐQT hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. <u>Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm.</u> Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>3. Việc bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Tổng Giám đốc) gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban nghiệp vụ và người quản lý khác do HĐQT phê chuẩn theo đề xuất của Tổng Giám đốc, trình HĐQT bổ nhiệm theo quy định như sau:</p>	<p>Quy định lại điều khoản chi tiết:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nhiệm kỳ TGD; - Quy trình bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp; - Thông tin ứng viên bộ máy quản lý.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	<p>hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.</p>	<p>a. Tổng giám đốc đề cử bằng văn bản việc bổ nhiệm thành viên Bộ máy quản lý dựa trên các tiêu chí, điều kiện và tiêu chuẩn phù hợp với các quy định của Điều lệ công ty và quy chế này;</p> <p>b. HĐQT đưa ra ý kiến bằng văn bản đối với các đề cử thành viên Bộ máy quản lý. Đánh giá các ứng viên tiềm năng có sự tham gia của Tổng Giám đốc và các cấp quản lý khác trong Công ty; HĐQT ra nghị quyết/quyết định bổ nhiệm và Tổng giám đốc ký Hợp đồng lao động với những thành viên trong Bộ máy quản lý Công ty;</p> <p>c. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Điều hành không quá 05 (năm) năm và có thể được bổ nhiệm lại.</p> <p>4. Các thông tin của ứng viên cho Bộ máy quản lý sẽ bao gồm các nội dung sau đây:</p> <p>a. Sơ yếu lý lịch có ảnh nhận dạng ứng viên được chụp trong thời gian gần nhất với thời điểm được đề cử;</p> <p>b. Các văn bằng, chứng chỉ học vấn của ứng viên; Những vị trí công tác mà ứng viên đã đảm nhiệm trong 05(năm) năm gần đây và vị trí đang đảm nhiệm khi được đề cử;</p> <p>c. Mối quan hệ giữa ứng viên với Công ty;</p> <p>d. Mối quan hệ của ứng viên với các cá nhân có ảnh hưởng lớn đến Công ty và mối quan hệ của ứng viên với các đối tác kinh doanh chủ chốt của Công ty (nếu có);</p> <p>e. Các thông tin khác có thể ảnh hưởng đến việc thực hiện bổn phận của ứng viên khi trở thành thành viên của Bộ máy quản lý.</p> <p>f. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng</p>	

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định.	
36.	<p>Điều 34: Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p>	<p>Điều 44. Ký hợp đồng lao động với người quản lý công ty</p> <p>1. Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của HĐQT, Chủ tịch HĐQT ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật hợp đồng lao động và các thoả thuận không trái với quy định của pháp luật.</p>	<p>- Điều khoản cũ đang quy định các nội dung liên quan đến thù lao, tiền lương trong HĐLĐ với Tổng giám đốc và Nhiệm kỳ.</p> <p>- Về nhiệm kỳ TGD đã quy định tại Điều 43. Nhiệm kỳ của người quản lý công ty ở trên. Chế độ lương, thưởng, lợi ích khác sẽ quy định tại điều khoản bên dưới.</p>
37.		<p>Điều 45. Chế độ lương, thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy quản lý</p> <p>(Xem chi tiết trong Dự thảo)</p>	<p>Bổ sung thêm quy định Chế độ lương, thưởng và lợi ích khác cho Bộ máy quản lý áp dụng Điều 163 Luật doanh nghiệp năm 2020.</p>
38.	<p>Điều 35: Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Tổng giám đốc mới thay thế.</p> <p>2. Khi Tổng giám đốc hết nhiệm kỳ và không được tái bổ nhiệm.</p> <p>3. Căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động.</p> <p>4. Có đơn từ chức.</p> <p>5. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 46. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty</p> <p>1. Trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm Tổng Giám đốc được quy định tại Điều lệ Công ty.</p> <p>2. Đối với chức vụ Tổng Giám đốc: HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bổ nhiệm một Tổng Giám đốc mới thay thế.</p> <p>3. Tổng Giám đốc có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;</p> <p>b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</p>	<p>- Quy định chi tiết các trường hợp bãi nhiệm, miễn nhiệm. Quy định tại Quy chế nội bộ quản trị hiện hành không nêu cụ thể các trường hợp.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p> <p>4. Tổng Giám đốc có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;</p> <p>b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;</p> <p>c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p> <p>5. Đối với chức vụ người quản lý công ty khác: việc miễn nhiệm, bãi nhiệm do HĐQT quyết định theo đề xuất của Tổng Giám đốc.</p> <p>6. Việc miễn nhiệm, bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).</p>	
39.	<p>Điều 36. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp</p> <p>Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm người điều hành doanh nghiệp theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.</p>	<p>Điều 47. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, <u>bãi nhiệm</u> người quản lý công ty</p> <p><u>Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức người quản lý Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố</u> thông tin trên trang điện tử của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.</p>	<p>Bổ sung thêm trường hợp bãi nhiệm. Sửa Người điều hành doanh nghiệp thành người quản lý Công ty.</p>
40.	<p>VIII. PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BKS VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</p>	<p>CHƯƠNG VI – THỦ TỤC PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC</p>	<p>Sửa lại tên chương, bỏ quy định Ban kiểm soát, vì cơ cấu tổ chức Công ty không có mô hình Ban kiểm soát.</p>
41.	<p>Điều 37. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời</p>	<p>Điều 48. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo</p>	<p>- Công ty không có mô hình Ban</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, BKS và Tổng giám đốc	mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT và Tổng giám đốc (Xem chi tiết trong Dự thảo)	kiểm soát. Đề xuất xóa khoản 3; - Khoản 1, 2 giữ nguyên, xóa bỏ Trưởng Ban kiểm soát, Ban kiểm soát vì Cơ cấu tổ chức hoạt động Công ty không có mô hình Ban Kiểm Soát.
42.		Điều 49. Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động (Xem chi tiết trong Dự thảo)	- Bổ sung thêm điều khoản Nguyên tắc làm việc và phối hợp hoạt động giữa HĐQT và Tổng giám đốc. - Áp dụng Điều 6 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC
43.	Điều 38. Thông báo Nghị quyết HĐQT cho Ban kiểm soát	Điều 50. Thông báo Nghị quyết HĐQT cho <u>Tổng giám đốc</u> (Xem chi tiết trong Dự thảo)	Công ty không có mô hình Ban kiểm soát. Xóa bỏ quy định Bản sao các văn bản nghị quyết của Hội đồng quản trị sẽ được chuyển đến cho Trưởng Ban Kiểm soát.
44.	Điều 39. Tổng giám đốc	Xóa bỏ	Xóa bỏ quy định Điều 39, vì Tổng giám đốc đã quy định chi tiết tại CHƯƠNG V. QUY ĐỊNH TRÌNH TỰ, THỦ TỤC LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI QUẢN LÝ CÔNG TY.
45.	Điều 40. Các trường hợp Tổng giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 3. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT: c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy	Điều 51. Các trường hợp Tổng giám đốc đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 3. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT: c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp thuộc thẩm quyền quyết định của Đại Hội đồng cổ đông.	Sửa đổi dẫn chiếu Luật cho chính xác

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
	bỏ các hợp đồng của Công ty;		
46.	Điều 42. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, Ban kiểm soát	Điều 53. Các vấn đề Tổng giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT (Xem chi tiết trong Dự thảo)	- Giữ nguyên điều khoản, xóa Ban kiểm soát vì cơ cấu tổ chức Công ty không có.
47.	Điều 43: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng giám đốc	Điều 54: Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT và Tổng giám đốc (Xem chi tiết trong Dự thảo)	Xóa bỏ Ban kiểm soát, nội dung giữ nguyên.
48.	IX. QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC Điều 44. Quy Định Về Đánh Giá Hàng Năm Đối Với Hoạt Động Khen Thưởng Và Kỷ Luật Đối Với Thành Viên Hdqt, Kiểm Soát Viên, Tổng Giám Đốc Và Các Người Điều Hành Khác	CHƯƠNG VII:ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC Điều 55. Quy Định Về Đánh Giá Hàng Năm Đối Với Hoạt Động Khen Thưởng Và Kỷ Luật Đối Với Thành Viên HĐQT, Tổng Giám Đốc Và Các Người Quản lý Khác (Xem chi tiết trong Dự thảo)	- Áp dụng khoản 2 Điều 6 Phụ Lục II, Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Giữ nguyên điều khoản 1,2,3,4,6,7,8. Xóa tên Ban Kiểm Soát, trưởng Ban kiểm soát. - Xóa bỏ nội dung khoản 5. Đối với thành viên Ban kiểm soát Cơ cấu tổ chức Công ty không có Ban kiểm soát
49.	X. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY Điều 45. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty 1. Có hiểu biết về pháp luật; 2. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty; 3. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty và quyết định của Hội đồng quản trị.	CHƯƠNG VIII. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY Điều 56. Việc bổ nhiệm người phụ trách quản trị Công ty 2. Các tiêu chuẩn để lựa chọn người Phụ trách quản trị Công ty a.Có đủ năng lực hành vi dân sự; b.Có trình độ học vấn đại học trở lên; c.Có năng lực quản trị và được đào tạo về quản trị;	Theo mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Bộ tài chính ban hành theo Thông tư 116/2020/TT-BTC. - Bổ sung tiêu chuẩn của người phụ trách quản trị Công ty.

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		d. Am hiểu hoạt động của Công ty, nắm vững các quy định pháp luật liên quan đến Công ty và thị trường chứng khoán. Có kỹ năng tổ chức, phân tích, cụ thể là phát hiện những tín hiệu từ xa và cảnh báo sớm cho Bộ máy quản lý, Tổng giám đốc và các thành viên HĐQT.	
50.		Điều 57. Quyền và nghĩa vụ người phụ trách quản trị công ty (Xem chi tiết trong Dự thảo)	Bổ sung, quy định quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty
51.	<p>Điều 47. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.</p> <p>2. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.</p>	<p>Điều 58. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty</p> <p>1. HĐQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị Công ty khi đa số (trên 50%) thành viên HĐQT dự họp có quyền biểu quyết tán thành và bỏ nhiệm một Người phụ trách quản trị công ty mới thay thế.</p> <p>2. Người phụ trách quản trị Công ty có thể được HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Do nhu cầu công tác, điều chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;</p> <p>b. Do sức khỏe không đảm bảo để tiếp tục công tác;</p> <p>c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.</p> <p>3. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị HĐQT bãi nhiệm trong các trường hợp sau:</p> <p>a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;</p> <p>b. Vi phạm pháp luật nhưng chưa đến mức bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chưa đến mức buộc phải chấm dứt hợp đồng lao động;</p> <p>c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho</p>	<p>- Quy định cụ thể các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người phụ trách quản trị công ty.</p> <p>- Áp dụng Điều 281 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>

Stt	Quy chế hiện hành	Đề xuất chỉnh sửa	Lý do sửa đổi
		<p>phép. 4. Việc bãi nhiệm nêu trên không được trái với các quyền theo hợp đồng đã ký kết (nếu có).</p>	
52.		<p>CHƯƠNG IX – BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN Điều 60. Nguyên tắc thực hiện Điều 61. Nghĩa vụ công bố thông tin Điều 62. Thông tin bí mật, thông tin nội bộ, và giao dịch nội bộ Điều 63. Các nội dung công bố thông tin Điều 64. Tổ chức và quản lý công bố thông tin Điều 65. Bảo lưu và tạm hoãn công bố thông tin (Xem chi tiết trong Dự thảo)</p>	<p>- Bổ sung chương Báo cáo và Công bố thông tin áp dụng theo Thông tư 116/2020/TT-BTC (Mẫu quy chế nội bộ về quản trị Công ty do Bộ tài chính ban hành) - Áp dụng Thông tư 96/2020/TT-BTC về việc hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán; Điều 295,296,297,298,299 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.</p>